

THUYẾT MINH
Dự toán kinh phí hỗ trợ Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch

ĐVT: Đồng

	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức chi	Kinh phí hỗ trợ hàng năm	Trong đó chia theo giai đoạn (2026-2030)				
						Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
A	B	C	1	2	3=1*2					
	TỔNG KINH PHÍ				191.310.000.000	33.800.000.000	53.440.000.000	48.470.000.000	28.860.000.000	26.940.000.000
I	Hỗ trợ bảo tồn kiến trúc nhà truyền	mái	1.400	1.400	150.000.000	95.000.000.000	20.000.000.000	25.000.000.000	20.000.000.000	15.000.000.000
	<i>Mái cọ, cỏ tranh</i>	<i>mái</i>	<i>900</i>	<i>900</i>	<i>50.000.000</i>	<i>45.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>15.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
	<i>Mái ngói âm dương</i>	<i>mái</i>	<i>500</i>	<i>500</i>	<i>100.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
2	Hỗ trợ mua sắm thiết bị, đạo cụ, nhạc cụ, trang phục, tăng âm loa đài cho đội văn nghệ dân tộc tại các khu, điểm du lịch	đội	50	70.000.000	3.500.000.000	700.000.000	700.000.000	700.000.000	700.000.000	700.000.000
3	Hỗ trợ đầu tư đường giao thông đạo bộ tại khu, điểm du lịch	khu, điểm	50	600.000.000	30.000.000.000	4.200.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	4.200.000.000	3.600.000.000
4	Hỗ trợ lắp đặt hệ thống đèn điện chiếu sáng năng lượng mặt trời tại khu, điểm du lịch	khu, điểm	50	250.000.000	12.500.000.000	1.750.000.000	3.750.000.000	3.750.000.000	1.750.000.000	1.500.000.000
5	Hỗ trợ xây dựng hệ thống thu gom rác thải sinh hoạt tại các khu, điểm du lịch cộng đồng	khu, điểm	50	300.000.000	15.000.000.000	2.100.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	2.100.000.000	1.800.000.000

6	Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh; nhà điểm đón tiếp, trưng bày giới thiệu sản phẩm, hàng hóa đặc sản địa phương, cung cấp thông tin du lịch tại khu, điểm du lịch	khu, điểm	50	600.000.000	30.000.000.000	4.200.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	4.200.000.000	3.600.000.000
7	Hỗ trợ đầu tư hệ thống quản lý du lịch thông minh tại khu, điểm du lịch	khu, điểm	50	80.000.000	4.000.000.000	560.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	560.000.000	480.000.000
8	Hỗ trợ khu, điểm du lịch đạt giải thưởng du lịch do Tổ chức Du lịch Thế giới tổ chức	khu, điểm	3	100.000.000	300.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
9	Hỗ trợ khu, điểm du lịch đạt giải thưởng du lịch cấp khu vực	khu, điểm	10	50.000.000	500.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
10	Hỗ trợ khu, điểm du lịch đạt giải thưởng du lịch cấp quốc gia	khu, điểm	17	30.000.000	510.000.000	90.000.000	90.000.000	120.000.000	150.000.000	60.000.000

Dự toán chi phí
Đầu tư bảo tồn kiến trúc nhà truyền thống tại các khu, điểm du lịch

Dự kiến hỗ trợ: Nhà lợp mái cọ, cỏ tranh	900 nhà
Dự kiến hỗ trợ: Nhà lợp mái ngói âm dương	500 nhà
Tổng cộng	1.400 nhà

I	Chi phí lợp mái nhà	Đơn giá		Thành tiền
1	Chi phí nẹp Mái cọ (nhà 5 gian) 140 m2			63.000.000
-	Mái lá cọ bên ngoài	150.000 – 220.000 đ/m ²		28.000.000
-	Lớp chống dột bên trong (Bạt HDPE / tôn mỏng + công)	80.000 – 120.000 đ/m ²		21.000.000
-	Tre, gỗ bên trong	100.000 – 150.000 đ/m ²	14.000.000	14.000.000
2	Chi phí nẹp Mái âm dương (5 gian) 140m2			
-	vì kèo + mè + lớp chống thấm + lợp ngói + công	1.10.000 – 1.550.000 đ/m ²		154.000.000
II	Số mái nhà dự kiến hỗ trợ	1.400		77.000.000.000
	Nhà mái lá cọ	900	30.000.000	27.000.000.000
	Nhà mái âm dương	500	100.000.000	50.000.000.000
Tổng chi phí lợp mái cọ		35.100.140	mức hỗ trợ là: 30.000.000 đồng (hỗ trợ 85 % chi phí)	
Tổng CP lợp mái âm dương		154.000.000	mức hỗ trợ là: 100.000.000 đồng (hỗ trợ 65 % chi phí)	

DỰ TOÁN CHI PHÍ
MUA SẴM THIẾT BỊ, ĐẠO CỤ, NHẠC CỤ, TRANG PHỤC, ÂM THANH
CHO ĐỘI VĂN NGHỆ DÂN TỘC TẠI KHU, ĐIỂM DU LỊCH

Quy mô: 01 đội văn nghệ dân tộc (15–20 người)

Mục đích: Phục vụ biểu diễn định kỳ tại các khu, điểm du lịch

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
1	Loa PA công suất lớn	Cái	2	6,000,000	12.000.000	Âm thanh sân khấu ngoài trời
2	Loa monitor kiểm âm	Cái	2	4,000,000	8.000.000	Hỗ trợ người biểu diễn
3	Mixer 8–12 line	Bộ	1	7,000,000	7.000.000	Điều chỉnh âm thanh
4	Micro không dây (4 mic)	Bộ	2	3,500,000	7.000.000	Hát, dẫn chương trình
5	Amply công suất	Bộ	1	6,000,000	6.000.000	Phù hợp loa PA
6	Dây tín hiệu, cực mic, phụ kiện	Bộ	1	2,500,000	2.500.000	Phụ trợ âm thanh
7	Nhạc cụ truyền thống (đàn tính, khèn, sáo, ..)	Bộ	1	6000000	6.000.000	Theo dân tộc địa phương
8	Trang phục biểu diễn nam	Bộ	5	800,000	40.000.000	Trang phục truyền thống
9	Trang phục biểu diễn nữ	Bộ	10	900,000	90.000.000	Trang phục truyền thống
Tổng cộng					88.500.000	

Tổng dự toán chi phí là : 88.500.000 đồng/ đội ;

ngợi quyết hỗ trợ: 70.0000.000 đồng/ đội (hỗ trợ 79% chi phí)

DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG

Hệ thống thu gom rác thải sinh hoạt tại các khu, điểm du lịch cộng đồng

- Diện tích khu thu gom rác thải tối thiểu: 200 m².
- Khu thu gom: 200 m² (20m x 10m hoặc tương đương).
- Mái che: 120 m² (che phủ phần khu chứa rác; có thể tăng/giảm theo nhu cầu).
- Tường bao: chu vi khoảng 60 m; cao trung bình 2,0 m.
- Đường tiếp cận: rộng 3,0 m; dài 20 m (60 m²).
- Thoát nước: rãnh + hố ga thu nước; đầu nổi/hướng xả phù hợp hiện trạng.

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1	San nền, đầm nền khu thu gom	m ²	200	90.000	18.000.000
2	Nền bê tông xi măng M250 dày 10 cm	m ²	200	450.000	90.000.000
3	Khe co giãn + bảo dưỡng bê tông	m ²	200	25.000	5.000.000
4	Mái che khung thép + tôn (mức trung bình)	m ²	120	700.000	84.000.000
5	Tường bao xây gạch + trát (cao TB 2,0m) + móng tường	m	60	1.200.000	72.000.000
6	Cửa/cổng ra vào (khung thép, khóa)	Bộ	1	9.000.000	9.000.000
7	Rãnh thoát nước nội bộ + hố ga thu nước	Gói	1	22.000.000	22.000.000
8	Hố thu gom nước rỉ rác đơn giản + nắp (tùy chọn)	Gói	1	12.000.000	12.000.000
9	Đường tiếp cận bê tông cho xe thu gom (3m x 20m)	m ²	60	420.000	25.200.000
10	Biển cảnh báo/nội quy khu thu gom (03 bảng)	Bảng	3	20.000.000	60.000.000
11	Chiếu sáng khu thu gom (đèn NLMT/đèn LED) (tạm tính)	Gói	1	8.000.000	8.000.000
12	Chi phí lắp đặt, hoàn thiện, vệ sinh công trình	Gói	1	15.000.000	15.000.000
	Thuế				40.000.000
					460.200.000

**Tổng dự toán xây dựng công trình: 460.200.000 đồng/công trình;
chính sách dự kiến hỗ trợ 300.000.000 đồng (hỗ trợ 65% chi phí xây dựng)**

Dự toán kinh phí
xây dựng nhà vệ sinh công cộng; Nhà điểm đón tiếp, trưng bày, giới thiệu sản phẩm cung cấp thông tin du lịch tại khu, điểm du lịch

STT	Nội dung chi tiết	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (nghìn đồng)	Thành tiền (nghìn đồng)
I	Nhà điểm đón tiếp, trưng bày, giới thiệu sản phẩm cung cấp thông tin du lịch				550.000
1	San nền, móng, kết cấu khung	m2	100		100.000
2	Xây tường, hoàn thiện thô	m2	100		100.000
3	Mái (ngói/cọc/vật liệu địa phương)	m2	120		100.000
4	Hệ thống cửa, hoàn thiện nội thất cơ bản	gói	1	80.000	80.000
5	Nền, sân, lối tiếp cận	gói	1	30.000	30.000
7	Trang trí mặt đứng, hoa văn văn hóa	gói	1	10.000	10.000
8	Tủ, kệ trưng bày sản phẩm	gói	1	50.000	50.000
9	Bảng, pano, bản đồ, ảnh	gói	1	30.000	30.000
11	Bàn tiếp đón, ghế, tủ hồ sơ	gói	1	30.000	30.000
12	Hệ thống điện, chiếu sáng, quạt/điều hòa	gói	1	10.000	10.000
13	Thiết bị PCCC, vệ sinh môi trường	gói	1	10.000	10.000
II	Xây dựng nhà vệ sinh công cộng				388.400
1	Đào móng, đổ bê tông lót (m ³)	m ³	25	1.500.000	37.500.000
2	Bê tông nền BTCT (m ²)	m ²	60	350.000	21.000.000
3	Xây tường gạch + trát 2 mặt (m ²)	m ²	180	350.000	63.000.000
4	Chống thấm sàn, tường khu vệ sinh (m ²)	m ²	120	130.000	15.600.000
5	Khung thép + mái tôn chống nóng (m ²)	m ²	60	500.000	30.000.000
6	Cửa nhôm kính + cửa buồng vệ sinh (m ²)	Bộ	10	2.000.000	20.000.000
7	Ốp tường, lát nền chống trơn (m ²)	m ²	200	220.000	44.000.000
8	Tủ điện, dây dẫn, đèn chiếu sáng, ổ cắm...	Gói	1	20.000.000	20.000.000
9	Bể nước 3–5 m ³ , bơm, đường ống, van	Gói	1	20.000.000	20.000.000
10	Bể tự hoại 3 ngăn (≈15 m ³), hố ga, ống thoát	Gói	1	30.000.000	30.000.000
11	Quạt hút, chóp thoáng, ống thông hơi	Gói	1	8.000.000	8.000.000
12	Bồn cầu 8 bộ (4 nam + 4 nữ)	Bộ	8	4.000.000	32.000.000
13	Bệ tiểu nam (2 bộ)	Bộ	2	3.500.000	7.000.000
14	Lavabo + vòi (6 bộ)	Bộ	6	3.000.000	18.000.000
15	Vách ngăn, khóa, móc, gương, hộp giấy, tay xít	Gói	1	22.000.000	22.000.000

- Tổng dự toán chi phí xây nhà trung, đón tiếp là : 550.000.000 đồng/ dự án ;
 nghị quyết hỗ trợ: 300.0000.000 đồng/dự án (hỗ trợ 55% chi phí)
- Tổng dự toán chi phí xây nhà vệ sinh công cộng là : 388.000.000 đồng/ dự án ;
 nghị quyết hỗ trợ: 300.0000.000 đồng/dự án (hỗ trợ 77% chi phí)

DỰ TOÁN CHI PHÍ
Lắp đèn chiếu sáng năng lượng mặt trời tại khu, điểm du lịch

STT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1	Bộ đèn NLMT dạng dự án (đèn + pin + tấm pin + bộ điều khiển)	Bộ	30	4,000,000	120,000,000
2	Cột đèn thép mạ kẽm 6m + tay cầm	Bộ	30	2,500,000	75,000,000
3	Móng cột BT (đào, đổ BT, bu lông neo, lắp trả)	Vị trí	30	2,000,000	60,000,000
4	Nhân công lắp đặt (dựng cột, lắp đèn, căn chỉnh)	Vị trí	30	100,000	3,000,000
5	Dây, ống gen bảo vệ, vật tư phụ (kẹp, ốc, keo, tiếp địa)	Vị trí	30	300,000	9,000,000
6	Gia cường chống gió/khóa chống trộm (khung, bu lông đặc biệt)	Vị trí	30	250,000	7,500,000
Tổng kinh phí					274,500,000

Tổng dự toán xây dựng công trình: 274.500.000 đồng;
ngiht quyết hỗ trợ: 250.000.000 đồng (hỗ trợ 91 % chi phí)

**DỰ TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG DẠO BỘ
TẠI KHU, ĐIỂM DU LỊCH**

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1	Đào bóc hữu cơ, vận chuyển đổ thải (cự ly ngắn)	m ³	150	110,000	16,500,000
2	Đào nền, tạo hình tuyến (đào/đắp), vận chuyển nội bộ	m ³	500	140,000	70,000,000
3	Đắp nền K95, tưới nước, lu lèn hoàn thiện	m ³	300	180,000	54,000,000
4	Lớp móng cấp phối đá dăm dày 15 cm (cung cấp + rải + lu)	m ³	150	300,000	45,000,000
5	Mặt đường bê tông xi măng dày 10 cm (bao gồm cốt liệu, nhân công)	m ²	500	570,000	285,000,000
6	Cắt khe co giãn, chèn vật liệu khe; bảo dưỡng bê tông	m ²	500	25,000	12,500,000
7	Bó vỉa hai bên (BT/đá), hoàn thiện mép đường	m	500	95,000	47,500,000
8	Rãnh dọc bê tông (đổ tại chỗ/đúc sẵn)	m	200	220,000	44,000,000
10	Hệ thống tiếp địa, phụ kiện, bảo vệ chống sét (tạm tính)	Gói	1	8,000,000	8,000,000
11	Vận chuyển vật liệu lên khu vực khó (hệ số địa hình) (tạm tính)	Gói	1	25,000,000	25,000,000
	Thuế				60,000,000
	Tổng chi phí				667,500,000

**Tổng dự toán xây dựng công trình: 667.500.000 đồng;
nghị quyết hỗ trợ: 6000.000.000 đồng (hỗ trợ 90 % chi phí)**